

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025
HUYỆN SÔNG MÃ - TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 30/06/2025 của UBND tỉnh Sơn La)

(Kèm theo Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 30/06/2025 của UBND tỉnh Sơn La)									
STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	DT thực hiện trong năm KH (ha)	DT hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Địa điểm (sau sáp nhập)	Mã đất theo mục đích sử dụng
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
A	Công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch								
B	Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78, 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai								
1	Cơ sở làm việc Đội Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ khu vực Sông Mã	1,50	1,50		1,50	CLN	Thị trấn Sông Mã (phần mở rộng)	Xã Sông Mã	CAN
2	Xây dựng trụ sở công an xã Chiềng Sơ	0,12	0,12		0,12	TSC	Xã Chiềng Sơ	Xã Chiềng Sơ	CAN
3	Xây dựng trụ sở công an xã Yên Hưng	0,10	0,10		0,10	DYT	Xã Yên Hưng	Xã Chiềng Sơ	CAN
4	Xây dựng trụ sở công an xã Đứa Mòn	0,12	0,12		0,12	TSC: 0,09; DGD: 0,03	Xã Đứa Mòn	Xã Mường Lầm	CAN
5	Xây dựng trụ sở công an xã Pú Bấu	0,10	0,10		0,10	TSC	Xã Pú Bấu	Xã Bó Sinh	CAN
6	Xây dựng trụ sở công an xã Nậm Ty	0,11	0,11		0,11	TSC	Xã Nậm Ty	Xã Nậm Ty	CAN
7	Xây dựng trụ sở công an xã Mường Sai	0,13	0,13		0,13	HNK	Xã Mường Sai	Xã Chiềng Khương	CAN
8	Xây dựng trụ sở công an xã Mường Lầm	0,07	0,07		0,07	TSC	Xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm	CAN
9	Xây dựng trụ sở công an thị trấn	0,08	0,08		0,08	TSC	Thị trấn Sông Mã	Xã Sông Mã	CAN
10	Sân nền khu quy hoạch cây xanh thuộc khu đô thị Hưng Mai thị trấn Sông Mã	3,03	3,03	2,00	1,03	LUC	Thị trấn Sông Mã (phần mở rộng)	Xã Sông Mã	DKV
11	Sân thể thao xã Mường Lầm	0,70	0,70		0,70	HNK: 0,39; CGT: 0,31	Xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm	DTT
12	Thủy điện Mường Hung (cụm đầu mối)	107,30	107,30	6,07	40,31	CLN: 13,04; ONT: 0,09; NTS: 0,86; DGT: 0,57; CSD: 12,77; NTD: 0,47; HNK: 5,23; LUC: 7,28	Xã Mường Hung, Chiềng Cang, Chiềng Khoong	Xã Mường Hung	DNL
13	Thủy điện Mường Hung (Lòng hồ)	107,30	107,30	16,16	44,75	SON	Xã Mường Hung, Chiềng Cang, Chiềng Khoong	Xã Mường Hung	MNC
14	Đường tỉnh 113 (đoạn Phiêng Phụ - Thị trấn Sông Mã) , huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	20,01	20,01	19,56	0,45	RPH	Xã Nà Nghịu	Xã Sông Mã	DGT
15	Dự án Sân nền, đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Hưng Mai	2,16	2,16	2,01	0,15	LUC: 0,11; HNK: 0,04	Thị trấn Sông Mã (phần mở rộng)	Xã Sông Mã	ODT,DGT
16	Kè bờ hữu Sông Mã (đoạn từ cầu cứng về phía thượng lưu 520m) huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	1,03	1,03	0,36	0,67	CLN: 0,36; ONT:0,04; SON: 0,23; NTS: 0,04	Thị trấn Sông Mã (phần mở rộng)	Xã Sông Mã	DGT
17	Thủy điện Nậm Công 3A (lòng hồ)	10,54	10,54	8,61	1,93	HNK: 0,45; RSX: 0,92; NTD: 0,07; SON: 0,39; CSD: 0,04; LUC: 0,07	Xã Huổi Một	Xã Huổi Một	MNC
18	Bổ trí sắp xếp dân cư bản Ta Lát, xã Mường Cai, huyện Sông Mã	5,33	5,33	3,98	1,35	HNK	Xã Mường Cai	Xã Chiềng Khoong	ONT
19	Cầu cứng bản Tây Hồ xã Nà Nghịu	0,65	0,65		0,65	ONT: 0,1; HNK: 0,55	Xã Nà Nghịu	Xã Sông Mã	DGT
20	Trường PTDT nội trú Sông Mã	4,02	4,02		4,02	LUC: 2,40; ONT:1,62	Thị trấn Sông Mã (phần mở rộng)	Xã Sông Mã	DGD
21	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa Đền thờ Hai Bà Trưng tại bản Thống Nhất (bản Nam Tiến cũ) xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã	0,21	0,21		0,21	CLN	Xã Chiềng Khương	Xã Chiềng Khương	DDD
22	Sân thể thao xã Mường Sai	1,08	1,08		1,08	HNK: 0,97; CLN: 0,11	Xã Mường Sai	Xã Chiềng Khương	DTT
23	Đầu tư cứng hoá đường giao thông từ bản Bua Hin - trung tâm xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	12,73	12,73		12,73	RPH: 2,15; RSX: 0,11; LUC: 0,04; CLN: 2,41; HNK: 2,14; ONT: 0,62; NTD: 0,06; DGT: 5,09; SON: 0,11	Xã Mường Hung	Xã Mường Hung	DGT

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	DT thực hiện trong năm KH (ha)	DT hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Địa điểm (sau sáp nhập)	Mã đất theo mục đích sử dụng
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
24	Đầu tư cứng hoá đường giao thông liên xã từ trung tâm xã Chiềng Phung - Trung tâm xã Mường Lầm, huyện Sông Mã	16,36	16,36		16,36	RPH: 3,99; SON: 0,05; HNK: 3,07; CLN: 2,42; ONT: 0,34; NTS: 0,05; DGT: 6,45	Xã Mường Lầm, xã Chiềng Phung	Xã Mường Lầm, xã Nậm Ty	DGT
25	Mở rộng trường Mầm non Ban Mai, điểm Pá Công, xã Huổi Một	0,10	0,10		0,10	CLN	Xã Huổi Một	Xã Huổi Một	DGD
26	Đường giao thông nội đồng tại điểm TĐC bản Khún (<i>bản Khún 1,2,3</i>)	2,10	2,10	1,64	0,46	HNK	Xã Mường Hung	Xã Mường Hung	DGT
27	Thuỷ lợi điểm TĐC C2	1,41	1,41		1,41	HNK	Xã Chiềng Khoong	Xã Chiềng Khoong	DTL
28	Cấp NSH điểm tái định cư C3	1,62	1,62		1,62	HNK: 1,52; DGT: 0,09	Xã Chiềng Khoong	Xã Chiềng Khoong	DTL
29	Nước sinh hoạt điểm tái định cư Xóm 5	1,36	1,36		1,36	HNK: 1,11; DGT: 0,25	Xã Nà Nghịu	Xã Sông Mã	DTL
30	Cấp NSH điểm tái định cư Phiềng Pồng	1,00	1,00		1,00	HNK: 0,6; DGT: 0,4	Xã Nà Nghịu	Xã Sông Mã	DTL
31	Xây dựng Chùa tại thị trấn Sông Mã	5,00	5,00		5,00	CLN	Thị trấn Sông Mã	Xã Sông Mã	TON
32	Xây dựng chợ xếp (<i>Bến xe cũ</i>)	0,07	0,07		0,07	DGT	Thị trấn Sông Mã	Xã Sông Mã	DCH
33	Nhà máy chế biến nông sản Sông Mã	50,00	50,00		50,00	LUC: 0,86; HNK: 36,17; CLN: 8,16; NTS: 0,05; DGT: 0,44; ONT: 0,48; NTD: 3,70; CSD: 0,14	Xã Nà Nghịu	Xã Sông Mã	SKN
34	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc đội QLTT số 6	0,13	0,13		0,13	LUC: 0,08; DGT: 0,05	Xã Nà Nghịu	Xã Sông Mã	TSC
35	Thuỷ điện Bó Sinh (<i>Đường dây 35KV</i>)	0,13	0,13		0,13	LUN: 0,02; HNK: 0,11	Xã Pú Bấu, xã Bó Sinh	Xã Bó Sinh	DNL
36	Trụ sở, Kho vật chứng Chi cục THA dân sự huyện Sông Mã	0,13	0,13		0,13	LUC: 0,09; DGT: 0,04	Xã Nà Nghịu	Xã Sông Mã	TSC
37	Thuỷ điện Mường Lầm (<i>lòng hồ</i>)	84,49	84,49	8,01	76,48	CLN: 13,64; HNK: 6,93; DGT: 2,67; SON: 50,53; LUK: 0,65; NTS: 0,7; ONT: 0,26; RSX: 1,1	Xã Chiềng En, xã Bó Sinh	Xã Bó Sinh	MNC
38	Nhà văn hoá tổ 2, thị trấn Sông Mã	0,12	0,12		0,12	DGD	Thị trấn Sông Mã	Xã Sông Mã	DVH
39	San nền, đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Hưng Mai - Nang Cầu, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã	5,33	5,33		5,33	LUC, HNK, CLN	Thị trấn Sông Mã (phần mở rộng)	Xã Sông Mã	ODT, DGT, DKV
40	Mở rộng đường Mường Cai - Chiềng Khoong	5,40	5,40		5,40	HNK, CLN	Xã Mường Cai, xã Chiềng Khoong	Xã Chiềng Khoong	DGT
41	Bến nước cứu hoà (<i>4 bên</i>)	0,40	0,4		0,40	SON	Xã Nà Nghịu	Xã Sông Mã	DTL
42	Cải tạo mặt bằng, vườn hoa cây xanh nút giao thông rẽ đi Sốp Cộp tại bản Lê Hồng Phong, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã	0,15	0,15		0,15	ONT: 0,05; DGT: 0,08; SON: 0,02	Thị trấn Sông Mã (phần mở rộng)	Xã Sông Mã	DKV
43	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Chiềng Khương	0,05	0,05		0,05	ONT	Xã Chiềng Khương	Xã Chiềng Khương	TSC
44	Cải tạo mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồng Nà Luông, xã Mường Lầm, huyện Sông Mã	0,69	0,69		0,69	LUC	Xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm	ONT
45	Cải tạo mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Tà Cọng, xã Mường Lầm, huyện Sông Mã	0,24	0,24		0,24	HNK	Xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm	ONT
46	Mở rộng Trạm y tế xã Nậm Mẩn	0,08	0,08		0,08	LUK	Xã Nậm Mẩn	Xã Huổi Một	DYT
47	Trung tâm tổ chức sự kiện Như Quỳnh	0,48	0,48		0,48	LUC	Thị trấn Sông Mã (phần mở rộng)	Xã Sông Mã	TMD
48	Sắp xếp dân cư vùng thiên tai khẩn cấp, cấp bách do ảnh hưởng của cơn bão số 3 tại bản Nà Mện, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã;	5,37	5,37		5,37	ONT: 0,06; CLN: 3,24; HNK: 1,50; LUK: 0,30; NTS: 0,02; DGT: 0,25	Xã Nậm Ty	Xã Nậm Ty	ONT
49	Khu dân cư Quyết Tiến	3,20	3,20		3,20	HNK, CLN	Xã Nà Nghịu	Xã Sông Mã	ONT

ut

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	DT thực hiện trong năm KH (ha)	DT hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Địa điểm (sau sáp nhập)	Mã đất theo mục đích sử dụng
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
50	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ cầu cứng Hải Sơn đến Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	2,40	2,40		2,40	ONT, CLN, HNK	Thị trấn Sông Mã (phần mở rộng)	Xã Sông Mã	DGT
51	Đường Lê Hồng Phong	2,20	2,20	1,80	0,40	HNK, CLN, ONT, CSD	Thị trấn Sông Mã (phần mở rộng)	Xã Sông Mã	DGT
52	Đường Nà Hin	2,70	2,70	2,10	0,60	HNK, CLN, ONT	Xã Nà Nghịu	Xã Sông Mã	DGT
53	Đường 113 nối đi Púng Bính, huyện Sốp Cộp	3,20	3,20		3,20	HNK, CLN	Xã Nà Nghịu	Xã Sông Mã	DGT
54	Cầu cứng thay thế cầu treo (tại đường 19/5), thị trấn Sông Mã	0,05	0,05		0,05	ODT	Thị trấn Sông Mã	Xã Sông Mã	DGT
55	Khu xử lý rác thải sinh hoạt xã Chiềng Cang	1,20	1,20		1,20	HNK	Xã Chiềng Cang	Xã Mường Hung	DRA
57	Nhà máy gạch Tuynel Xum Côn	4,02	4,02		4,02	HNK: 2,82; SKC: 1,2	Xã Nà Nghịu	Xã Sông Mã	SKS
58	Mở rộng nhà máy gạch tuynel Quyết Tiến	10,32	10,32	5,63	4,68	CLN: 2,93; HNK: 1,13; DSC: 0,04; SKS: 0,58	Thị trấn Sông Mã (phần mở rộng)	Xã Sông Mã	SKS
59	Dự án Bố trí sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai cấp bách do ảnh hưởng của cơn bão số 3 bán Sàng Lay, xã Chiềng Phung, huyện Sông Mã	2,06	2,06		2,06	HNK	Xã Chiềng Phung	Xã Nậm Ty	ONT, DGT, DKV, DCT, CSD
60	Cầu cứng xã Chiềng Khương	0,73	0,73		0,73	HNK	Xã Chiềng Khương	Xã Chiềng Khương	DGT
C	Các công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại mục A, B và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai dự kiến thực hiện trong năm Kế hoạch								
61	Bến xe khách Sông Mã	0,64	0,64		0,64	ONT:0,07;HNK:0,57	Thị trấn Sông Mã (phần mở rộng)	Xã Sông Mã	DGT
62	Khu dân cư mới Hưng Mai, tại xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã	3,04	0,89		0,89	HNK: 0,62; CLN: 0,25; ONT: 0,02	Thị trấn Sông Mã (phần mở rộng)	Xã Sông Mã	ODT
63	Khu dân cư tổ dân phố 4, thị trấn Sông Mã	0,03	0,03		0,03	DVH	Thị trấn Sông Mã	Xã Sông Mã	ODT
64	Khu 6, khu 9 thị trấn Sông Mã	4,72	4,72	1,90	0,70	HNK	Thị trấn Sông Mã (phần mở rộng)	Xã Sông Mã	ODT
65	Cải tạo mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư bản Tiên Chung, xã Mường Sai, huyện Sông Mã	0,74	0,74		0,74	LUC	Xã Mường Sai	Xã Chiềng Khương	ONT
66	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị chăn nuôi bò sinh sản	0,24	0,24		0,24	CLN	Xã Mường Hung, Mường Sai, Huổi Một, Mường Cai	Xã Mường Hung, xã Chiềng Khương, xã Huổi Một, xã Chiềng Khoang	NKH
67	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị chăn nuôi dê sinh sản	0,20	0,20		0,20	CLN	Xã Nà Nghịu, Chiềng Phung, Nậm Mẩn, Yên Hưng, Mường Cai	Xã Sông Mã, xã Nậm Ty, xã Huổi Một, xã Chiềng Sơ, xã Chiềng Khoang	NKH
68	Nhà trực cụm điện xã Nậm Ty	0,05	0,05		0,05	HNK	Xã Nậm Ty	Xã Nậm Ty	TMD
69	Cửa hàng xăng dầu Huổi Một	0,10	0,1		0,1	HNK	Xã Huổi Một	Xã Huổi Một	TMD
70	Cửa hàng xăng dầu Đứa Mòn	0,07	0,07		0,07	HNK	Xã Đứa Mòn	Xã Mường Lầm	TMD
71	Cửa hàng xăng dầu xã Nậm Ty	0,09	0,09		0,09	CLN	Xã Nậm Ty	Xã Nậm Ty	TMD
72	Cửa hàng xăng dầu xã Yên Hưng	0,12	0,12		0,12	CLN	Xã Yên Hưng	Xã Chiềng Sơ	TMD
73	Nhà trực cụm điện xã Mường Lầm	0,11	0,11		0,11	DNL	Xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm	TMD
74	Dự án Bãi tập kết cát trên dòng Sông Mã - huyện Sông Mã - Công ty CP Quỳnh Ngọc (09 điểm mỏ)	10,72	10,72	0,04	10,68	CLN:7,11; HNK:1,81; LUC:1,76;	Xã Mường Lầm, xã Chiềng Sơ, xã Nà Nghịu, xã Chiềng Khoang, xã Chiềng Cang, xã Chiềng Khương	Xã Mường Lầm, xã Chiềng Sơ, xã Sông Mã, xã Chiềng Khoang, xã Mường Hung, xã Chiềng Khương	SKS

ut

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	DT thực hiện trong năm KH (ha)	DT hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Địa điểm (sau sáp nhập)	Mã đất theo mục đích sử dụng
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
75	Điểm tập kết cát sau khai thác và các công trình phụ trợ của dự án "Dự án khai thác 05 điểm mỏ cát trên Sông Mã làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc địa bàn các xã Mường Lầm, Chiềng Sơ và Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La"	5,31	5,31		5,31	CLN:0,46; HNK:3,31; LUC:0,26;LUK:1,28	Xã Chiềng Sơ, xã Mường Lầm, xã Nà Nghịu	Xã Chiềng Sơ, xã Mường Lầm, xã Sông Mã	SKS
76	Khai thác khoáng sản cát làm vật liệu thông thường đối với 08 khu vực chưa thăm dò trên Sông Mã, huyện Sông Mã - Công ty cổ phần Quỳnh Ngọc.	61,08	61,08		61,08	SON	Xã Nà Nghịu, Chiềng Khoong, Chiềng Cang	Xã Sông Mã, xã Chiềng Khoong, xã Mường Hung	SKS
79	Thao trường huấn luyện dân quân xã Nậm Mẩn	2,00	2,00		2,00	HNK	Xã Nậm Mẩn	Xã Huổi Một	HNK (CQP)
80	Khu chăn nuôi tập trung tại các xã trên địa bàn huyện	90,00	90,00		90,00	HNK, CLN	Huyện Sông Mã	-	CNT
81	Công trình ĐTSL-2024/Bộ CHQS tỉnh	5,00	5,00		5,00	CLN: 3,90; DGT:0,03;HNK:0,12; LUC: 0,16; LUK:0,01; NTS:0,03; RPH:0,14; RSX:0,27; SON:0,34	Xã Chiềng Khương	Xã Chiềng Khương	CQP
82	Mở rộng doanh trại Ban CHQS huyện	5,00	1,17		1,17	TMD: 0,025; TSC: 0,14; CLN: 1,01	Thị trấn Sông Mã	Xã Sông Mã	CQP
83	Thao trường tổng hợp cấp huyện (bán Mế Bon)	30,00	30,00	23,00	7,00	HNK: 1,68; CLN: 2,77; RSX: 2,55	Xã Nà Nghịu	Xã Sông Mã	CQP
84	Nhà làm việc Dân quân thường trực xã Chiềng Khương	0,02	0,02		0,02	CLN	Xã Chiềng Khương	Xã Chiềng Khương	TSC
85	Mỏ đất san lấp tại bản Lê Hồng Phong, xã Nà Nghịu	2,27	2,27		2,27	CLN	Thị trấn Sông Mã (phần mở rộng)	Xã Sông Mã	SKS
86	Bãi tập kết vật liệu trạm trộn bê tông	0,50	0,50		0,50	LUC	Xã Chiềng Khoong	Xã Chiềng Khoong	TMD
87	Dự án Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ cát các bản Huổi Púng, Huổi Han, Pá Lung xã Chiềng En, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (Công ty Cổ phần Minh Quang Tây Bắc)	10,12	10,12		10,12	SON: 10,12	Xã Chiềng En	Xã Bó Sinh	SKS
88	Dự án Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ cát bản Thằng Lợi (nay là bản Phiêng Lợi), Nà Cản, Nà Tọ (nay là bản Cản Tọ và bản Nà Cản II), xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (Công ty cổ phần Lộc Thịnh Tây Bắc)	17,37	17,37		17,37	SON: 17,37	Xã Chiềng Sơ	Xã Chiềng Sơ	SKS
89	Dự án Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ cát bản Sòng, bản Páng, xã Yên Hưng và bản Quảng Tiến (nay là bản Bon Tiến), xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (Công ty cổ phần Lộc Thịnh Tây Bắc)	16,67	16,67		16,67	SON: 16,67	Xã Chiềng Sơ, xã Yên Hưng	Xã Chiềng Sơ	SKS
90	Dự án Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ cát bản Huổi Pán, xã Chiềng En, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (Công ty cổ phần Minh Quang Tây Bắc)	5,92	5,92		5,92	SON	Xã Chiềng En	Xã Bó Sinh	SKS
91	Điểm tập kết cát sau khai thác và các công trình phụ trợ của Công ty Cổ phần Lộc Thịnh Tây Bắc	8,57	8,57		8,57	CLN:3,80; HNK:3,02; LUC:0,67;LUK:1,07	Xã Yên Hưng, xã Chiềng Sơ	Xã Chiềng Sơ	SKS

uot

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	DT thực hiện trong năm KH (ha)	DT hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Địa điểm (sau sáp nhập)	Mã đất theo mục đích sử dụng
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
92	Điểm tập kết cát sau khai thác và các công trình phụ trợ của Công ty Cổ phần Minh Quang Tây Bắc	0,40	0,40		0,40	HNK: 0,02; CSD: 0,02	Xã Chiềng En	Xã Bó Sinh	SKS
93	Mỏ đá bản Noong Léch	17,28	17,28		17,28	HNK: 2,16; CSD: 0,62	Xã Nà Nghịu	Xã Sông Mã	SKS
94	Mỏ cát bản Cánh Kiến, xã Nà Nghịu (đợt 2)	11,15	11,15	8,34	2,81	SON	Xã Nà Nghịu	Xã Sông Mã	SKS
95	Mỏ cát Khu 2 bản Mường Tợ, xã Mường Lầm (khu khai thác + phụ trợ) đợt 2	3,41	3,41	1,77	1,64	SON	Xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm	SKS

mt